TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 08/2023/HS-ST
Ngày 27-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Bình - Cán bộ hưu trí thị trấn T;

Ông Đoàn Văn N - Bí thư Đoàn TNCSHCM xã C.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 12/TB-TA ngày 21 tháng 02 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thế H, sinh ngày 08-10-20xx (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 16 tuổi 08 tháng 18 ngày) tại H. Nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, đã chết và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 19xx; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện T, thành phố H - Là mẹ đẻ của bị cáo H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị Thuý - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

- *Bị hại:*

+ Ông Dương Văn T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn 8, xã T, huyện S, tỉnh N; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29-6-2022, Công an xã K nhận được đơn của bà Y trình báo về việc gia đình bị mất trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redim để ở phòng ngủ và 4.200.000 đồng để ở trong tủ quần áo. Bà Y cung cấp hình ảnh từ camera an ninh của gia đình có nghi liên quan đến vụ việc. Căn cứ kết quả xác minh Công an xã K xác định Nguyễn Thế H là người có liên quan đến việc trộm cắp tài sản của bà Y, nên bàn giao hồ sơ cho Cơ quan điều tra Công an huyện T để xác minh, giải quyết tin báo theo thẩm quyền. Ngày 29-6-2022, H đến Công an đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, số tiền 8.500.000 đồng; chiếc xe đạp mini, 01 dao bầu. H khai từ ngày 26-6-2022 đến ngày 29-6-2022 đã 02 lần trộm cắp tài sản của nhà bà Y và nhà ông T, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Đêm ngày 25-6-2022, H đi xe đạp mini của gia đình và cầm theo 01 con dao bầu dài 30cm đi tìm sơ hở trong việc quản lý tài sản, để trộm cắp. Đến 00 giờ 30 phút ngày 26-6-2022, H phát hiện nhà ông T, không khóa cửa nên để xe đạp ở tường bao, mang theo 01 con dao bầu trèo qua tường bao vào nhà thấy chiếc quần đang treo ở gian ngoài nên kiểm tra có 01 ví da bên trong có tiền nên lấy toàn bộ rồi để ví ở vị trí cũ. Sau đó H đi vào phòng ngủ thấy anh Nguyễn Văn N (con rể ông T) và vợ là chị Dương Thị Thu H đang ngủ, trên bàn cạnh giường ngủ có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus đang sạc và 01 ví da, H lấy điện thoại và lấy toàn bộ số tiền trong ví cho vào túi quần rồi trèo tường ra ngoài đạp xe đi về nhà. Khi về đến nhà, H kiểm đếm số tiền trộm cắp của nhà ông T là 4.300.000 đồng. H bẻ gãy chiếc sim còn đem bán chiếc điện thoại ở khu vực huyện An Lão cho người đàn ông lạ mặt với giá 1.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Tối ngày 28-6-2022, H đi bộ lang thang tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến 00 giờ 30 phút ngày 29-6-2022, H phát hiện nhà bà Y đi ngủ không khóa cửa nên trèo tường đi vào, mở cửa tủ quần áo lấy 01 ví giả da bên trong có tiền cất vào túi quần phía trước bên phải rồi tiếp tục đi sang phòng ngủ thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi nên lấy rồi trèo tường đi về. Khi về H kiểm đếm số tiền trộm cắp được của nhà bà Y là 4.200.000 đồng, chiếc ví giả da thì H ném xuống cống.

Số tiền trộm cắp được, H tiêu sài cá nhân hết.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thế H, nH không thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại bà Y 4.200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redim; ông T 3.000.000 đồng, anh N 1.300.000 đồng; bà T 01 xe đạp mini. Đối với 01 con dao bầu chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Kết luận định giá tài sản số 10/KL-ĐG ngày 9-8-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: "01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, mua tháng 7 năm 2021 với giá trị còn lại = 80% = 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.500.000 đồng".

Kết luận định giá tài sản số 18/KL-ĐG ngày 31-10-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: "01 ví tự tạo dựng giả da có kích thước 16 x 10cm. Ví tự tạo dựng không có cơ sở pháp lý, do đó Hội đồng định giá không đủ căn cứ để định giá. 01 sim điện thoại di động thuộc nhà mạng Mobi có số điện thoại 0704514862 mua năm 2021, đã qua sử dụng với giá trị còn lại 50% = 100.000 đồng. Tổng của 01 loại tài sản = 100.000 đồng".

Công văn số 82/CV-HĐĐGTT ngày 29-12-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T về việc 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus thể hiện: "Tài sản để định giá hiện không còn, không có hình ảnh của tài sản, không có hóa đơn chứng từ về tài sản … nên chưa đầy đủ cơ sở pháp lý để định giá tài sản nêu trên".

Kết luận giám định số 487/KL-KTHS(KTS) ngày 26-10-2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận: "01 tập tin video có phần mở rộng "MP4" dung lượng 649 KB được lưu trong 01 USB nhãn hiệu hoco 4GB đã qua sử dụng; không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung. Trích xuất 06 hình ảnh nghi liên quan đến vụ việc được lập thành bản ảnh kèm theo. Tập tin được sao lưu trong đĩa CD kèm theo".

Về trách nhiệm dân sự: Ông Dương Văn T, anh Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị Y đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự.

Ông Dương Văn T khai: Tối ngày 25-6-2022, gia đình ông đi ngủ nH không khóa cửa. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 26-6-2022, ông dậy và phát hiện bị mất số tiền 3.000.000 đồng để trong ví treo ở tường nhà.

Anh Nguyễn Văn N khai: Tối ngày 25-6-2022, trước khi đi ngủ anh để điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus và ví tiền trên bàn bên cạnh giường ngủ. Đến khoảng hơn 3 giờ sáng ngày 26-6-2022, ông T vào phòng gọi anh dậy thì anh phát hiện bị mất số tiền 1.300.000 đồng trong ví và chiếc điện thoại. Chiếc điện thoại di động nhãn hiện Iphone 6s plus anh mua năm 2017 tại thành phố Hồ Chí Minh với giá 11.440.000 đồng, khi mua không có hóa đơn.

Bà Phạm Thị Y khai: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 29-6-2022, bà tỉnh dậy và phát hiện nhà bị kẻ gian đột nhập, kiểm tra thấy mất 01 ví giả da bên trong có số tiền 4.200.000 đồng để trong tủ quần áo và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi mua năm 2021.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 17-01-2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của nhà ông T và bà

Y. Khi bán chiếc điện thoại di động cho người đàn ông không quen biết ở huyện A thì bị cáo không nói là do trộm cắp mà có. Chiếc xe đạp là tài sản của bà T, bà T không biết việc bị cáo sử dụng xe đạp đi trộm cắp tài sản; con dao bầu đã cũ là của gia đình bị cáo. Bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay đúng như lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, đang là học sinh, thiếu hiểu biết; gia đình chưa quan tâm, quản lý sát xao; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội được tiếp tục đi học, trở thành người có ích. Chiếc xe đạp mini là tài sản của bà, mua với giá 800.000 đồng nH sau đó cho bị cáo mượn để làm phương tiện đi học; con dao bầu là của gia đình bà nH giao đã cũ, đề nghị tiêu huỷ theo quy định; sau khi biết việc H trộm cắp tài sản của ông T, anh N và bà Y thì bị cáo và gia đình đã bồi thường đầy đủ cho bị hại.

Kiểm sát viên khẳng định Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 17-01-2023 truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế H mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm T theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời đề nghị xem xét việc bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức cũng như hiểu biết pháp luật còn hạn chế; không nhận thức đầy đủ hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình, gia đình, nhà trường chưa quản lý, giáo dục đúng mức; hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bố bị cáo đã chết để cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội; không cần thiết phải cách ly bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục được đi học, có cơ hội được sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên thu thập đã đầy đủ và theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên Công an huyện T; Viện Kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp; người bào chữa, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về những người tham gia tố tụng: Bị hại là ông T, anh N và bà Y đã được triệu tập hợp lệ nH vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, bị hại đều đã có lời khai tại Cơ quan điều tra nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

- Về tội danh và hình phạt:

[4] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án; được chứng minh bằng lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 26-6-2022 và 29-6-2022, tại khu vực thôn N và thôn C, xã K, huyện T, thành phố H, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi trị giá 1.500.000 đồng, 01 sim điện thoại trị giá 100.000 đồng, 01 chiếc ví giả da bên trong có 4.200.000 đồng của bà Y; 3.000.000 đồng của ông T và 1.300.000 đồng của anh N. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt được là 10.100.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo 16 tuổi 8 tháng 18 ngày là người có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nH vẫn cố ý thực hiện.

Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5] Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm T, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[7] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội hai lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ông T, anh N, bà Y và bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm; bị cáo tự thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

[8] Xét các căn cứ quyết định hình phạt: Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và hiện đang là học sinh lớp 12A2 Trường THPT L, huyện T. Bị cáo có một tình tiết tăng nặng nH có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Xuất phát từ nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo đang là học sinh nếu phải đi chấp hành hình phạt tù sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tương lai sau này của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm T; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức rõ được sự sai trái của mình để khắc phục, sửa chữa; có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo mục đích của hình phạt; cũng như tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục đi học, có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt; đồng thời cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm theo đề nghị của người bào chữa cho bị cáo vì bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về dân sự: Bị hại là ông Dương Văn T, anh Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị Y đã được bồi thường, nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe đạp mini và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redim: Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị T và bà Phạm Thị Y là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 dao bầu (đã cũ) do bị cáo giao nộp; bị cáo và người đại diện hợp pháp đều, người bào chưa đều đề nghị tiêu huỷ vì là công cụ phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Về vấn đề khác: Trong vụ án này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T chưa định giá được chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus cũng như tên, tuổi, nơi cư trú của người đàn ông mua chiếc điện thoại trên, nên tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[13] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế H 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Trộm cắp tài sản".

Giao Nguyễn Thế H cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố H nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

"Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở ý tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã

nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách".

Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thế H kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thế H.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 dao bầu đã cũ (có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thế H.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Thế H, người bào chữa và người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Văn Nam **Nguyễn Hữu Bình** **Nguyễn Thanh Tùng**

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- VKSND huyện T;
- VKSND TP H;
- TAND TP H;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp TP H;
- Công an TP H (PC10, PV06);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Đoàn Thanh Vân, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 16/37 N2 Chợ Hàng, phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố H; … mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đoàn Thanh Vân có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.